

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT ĐÌNH TIỀN HOÀNG

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
MÔN HỌC: TIN HỌC 11
NĂM HỌC 2023 – 2024



Giáo viên: NGUYỄN THANH THÀNH

1. XÂY DỰNG MA TRẬN ĐỀ

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN TIN HỌC, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI (45 PHÚT)

TT	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề E. Ứng dụng tin học	1. Chỉnh sửa ảnh, tạo ảnh động	1		1						5% (0,5 điểm)
		2. Làm phim hoạt hình, video	1		1						5% (0,5 điểm)
2	Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	1. Giới thiệu các hệ Cơ sở dữ liệu	8		1						22,5% (2,25 điểm)
		2. Thực hành tạo và cập nhật Cơ sở dữ liệu	2		3			1			22,5% (2,25 điểm)
		3. Thực hành khai thác Cơ sở dữ liệu	2		4			1		1	35,0% (3,5 điểm)
3	Chủ đề G. Hướng nghiệp với tin học	1. Giới thiệu nghề Quản trị cơ sở dữ liệu	2		2						10,0% (1,0 điểm)
Tổng			16		12			2		1	
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

2. XÂY DỰNG BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN TIN HỌC, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI (45 PHÚT)

STT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề E. Ứng dụng tin học	1. Chỉnh sửa ảnh, tạo ảnh động	Vận dụng Thực hiện được các thao tác xử lý ảnh cơ bản: cắt, phóng to, thu nhỏ, di chuyển, tẩy xoá ảnh và tạo ảnh động.	1 (TN)	1 (TN)		
		2. Làm phim hoạt hình, video	Vận dụng Sử dụng được một số công cụ cơ bản biên tập phim: chỉnh sửa hình ảnh, âm thanh, tạo phụ đề, tạo các hiệu ứng chuyển cảnh, căn chỉnh thời gian. Vận dụng cao Tạo được các đoạn phim, nhập tư liệu từ ảnh và video có sẵn, biên tập được đoạn phim phục vụ học tập và giải trí. Tạo được đoạn phim hoạt hình từ ảnh, có hội thoại giữa các nhân vật và có phụ đề	1 (TN)	1 (TN)		
2	Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Giới thiệu các hệ Cơ sở dữ liệu	Nhận biết Nhận biết được nhu cầu lưu trữ dữ liệu và khai thác thông tin cho bài toán quản lí. – Nêu được tầm quan trọng của bảo mật hệ Cơ sở dữ liệu. – Nêu được/liệt kê được một số biện pháp bảo mật	8 (TN)	1 (TN)		

STT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			hệ cơ sở dữ liệu. - Nêu được những khái niệm cơ bản của hệ Cơ sở dữ liệu. Thông hiểu - Diễn đạt được khái niệm hệ Cơ sở dữ liệu, các khái niệm cơ bản trong mô hình Cơ sở dữ liệu quan hệ như quan hệ (bảng), khoá, khoá ngoài, truy vấn, cập nhật dữ liệu,... - Giải thích được các khái niệm cơ bản của hệ Cơ sở dữ liệu. - Nêu được ví dụ minh hoạ về hệ Cơ sở dữ liệu. - Phân biệt được hai loại kiến trúc hệ Cơ sở dữ liệu là tập trung và phân tán.				
		Thực hành tạo và cập nhật Cơ sở dữ liệu	Thông hiểu - Nêu được một vài tổ chức cần ứng dụng Cơ sở dữ liệu để quản lí hoạt động của mình. Vận dụng - Thực hiện được việc tạo lập Cơ sở dữ liệu cho một bài toán quản lí nhỏ bằng cách sử dụng một hệ Quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ. Cụ thể là: - Tạo được các bảng và chỉ định được khoá cho mỗi bảng.	2 (TN)	3 (TN)	1 (TL)	

STT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			+ Thiết lập được mối quan hệ giữa các bảng qua việc chỉ định khoá ngoài. + Thực hiện được việc cập nhật Cơ sở dữ liệu. + Thể hiện được tính cẩn thận, chăm chỉ, trách nhiệm trong việc lưu trữ và quản lý dữ liệu.				
		Thực hành khai thác Cơ sở dữ liệu	Vận dụng - Thực hiện được việc khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu cho một bài toán quản lý nhỏ bằng cách sử dụng một hệ Quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ. Cụ thể là: + Sử dụng được các truy vấn để tìm kiếm và kết xuất thông tin từ Cơ sở dữ liệu. + Nêu được một vài nhận xét so sánh kết quả bài thực hành với một phần mềm quản lý do giáo viên giới thiệu hoặc đã từng biết. + Giải thích được tính ưu việt của việc quản lý dữ liệu một cách khoa học nhờ ứng dụng Cơ sở dữ liệu. + Tìm hiểu được thêm một vài chức năng của hệ Quản trị cơ sở dữ liệu.	2 (TN)	4 (TN)	1 (TL)	1 (TL)
3	Chủ đề G. Hướng nghiệp với tin học	Giới thiệu nghề Quản trị cơ sở dữ liệu	Thông hiểu Trình bày được thông tin hướng nghiệp về nghề Quản trị cơ sở dữ liệu theo các yếu tố sau: + Những nét sơ lược về công việc chính mà người	2 (TN)	2 (TN)		

STT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			làm nghề phải thực hiện. + Yêu cầu thiết yếu về kiến thức và kỹ năng cần có để làm nghề. + Ngành học có liên quan ở các bậc học tiếp theo. + Nhu cầu nhân lực của xã hội trong hiện tại và tương lai gần về nghề đó. Vận dụng Tự tìm kiếm và khai thác được thông tin hướng nghiệp (qua các chương trình đào tạo, thông báo tuyển dụng nhân lực,...) về một vài ngành nghề khác trong lĩnh vực tin học. Giao lưu được với bạn bè qua các kênh truyền thông số để tham khảo và trao đổi ý kiến về những thông tin trên.				
Tổng				16 (TN)	12 (TN)	2 (TL)	1 (TL)
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi/bài tập ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi/bài tập tự luận; có thể kiểm tra, đánh giá ở phòng thực hành tùy thuộc vào điều kiện về phòng máy của từng trường (ưu tiên thực hành).

- Số điểm tính cho một câu trắc nghiệm là 0,25 điểm. Số điểm câu hỏi/bài tập tự luận, thực hành được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm trong ma trận.
- Không được chọn câu hỏi/bài tập ở mức độ vận dụng và câu hỏi/bài tập ở mức độ vận dụng cao trong cùng một đơn vị kiến thức.

3. XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA

SỞ GD & ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT ĐINH TIÊN HOÀNG

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2023- 2024
MÔN: TIN HỌC 11

(Đề thi có ____ trang)

Thời gian làm bài: 45 (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên học sinh: Lớp:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm):

Câu 1. Để thực hiện việc quản lý CSDL, **KHÔNG** nên sử dụng phương án nào sau đây?

- A. Quản lý một vài đồ dùng trong gia đình.
- B. Quản lý và phục vụ người đọc trong thư viện.
- C. Quản lý thông tin trong trường học.
- D. Quản lý thông tin trong các hãng hàng không.

Câu 2. Một số việc khai thác thông tin thường gặp là gì?

- A. Tìm kiếm dữ liệu, thống kê, lập báo cáo.
- B. Tạo bảng, chỉ định khóa chính, tạo liên kết.
- C. Đặt tên trường, chọn kiểu dữ liệu, định tính chất trường.
- D. Thêm, tìm kiếm, sửa, xóa bản ghi.

Câu 3. Khi tạo lập hồ sơ cho mỗi bài toán quản lý, dữ liệu cần đảm bảo yếu tố nào trong các yếu tố sau đây?

- A. Đầy đủ những dữ liệu cần lưu trữ và dữ liệu nhập vào phải đúng đắn.
- B. Đầy đủ những dữ liệu cần lưu trữ và dữ liệu nhập vào tương đối đúng.
- C. Dữ liệu nhập vào phải đúng đắn.
- D. Chỉ cần một vài dữ liệu cần lưu trữ và phải đúng đắn

Câu 4. Phương án nào sau đây **KHÔNG** thể hiện những thiệt hại khi một tổ chức kinh doanh không thực hiện được việc bảo mật thông tin?

- A. Tăng uy tín trong kinh doanh.
- B. Mất lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- C. Đối mặt với pháp luật.
- D. Bồi thường cho khách hàng

Câu 5. Phát biểu nào sau đây **KHÔNG** phải là bảo mật thông tin trong CSDL?

- A. Không chế số người sử dụng CSDL.
- B. Ngăn chặn các truy cập không được phép.
- C. Kiểm soát được việc xem dữ liệu của người dùng.
- D. Đảm bảo thông tin không bị mất hoặc bị thay đổi ngoài ý muốn

Câu 6. Phương án nào sau đây nêu đúng cách đáp ứng việc bảo mật hệ thống (mật khẩu, mã hóa thông tin)

- A. Phải thường xuyên thay đổi để tăng cường tính bảo mật.
- B. Chỉ nên thay đổi nếu người dùng có yêu cầu.
- C. Chỉ nên thay đổi một lần sau khi người dùng đăng nhập vào hệ thống lần đầu tiên.
- D. Không được thay đổi để đảm bảo tính nhất quán.

Câu 7. Phương án nào sau đây thể hiện các thao tác cập nhật CSDL?

- A. Thêm, sửa, xóa dữ liệu.
- B. Sắp xếp, truy vấn, xem, kết xuất báo cáo dữ liệu.
- C. Cập nhật, sắp xếp, truy vấn, xem, kết xuất báo cáo dữ liệu.
- D. Tạo lập CSDL.

Câu 8. Phương án nào sau đây thể hiện chức năng của bảng phân quyền?

- A. Phân các quyền truy cập đối với người dùng.
- B. Giúp người dùng xem được thông tin CSDL.

- C. Giúp người quản lý xem được các đối tượng truy cập hệ thống.
- D. Đếm được số lượng người truy cập hệ thống.

Câu 9. Dpi là giá trị xác định thông tin nào sau đây?

- A. Số điểm ảnh trên 1 inch.
- B. Số điểm ảnh trên 1cm.
- C. Số điểm ảnh trên 1mm
- D. Số điểm ảnh trên 1dm

Câu 10. Giá trị Dpi càng cao thì ảnh được in ra càng:

- A. Rõ nét
- B. Mờ
- C. Tươi sáng
- D. Rực rỡ

Câu 11. Chức năng chính của phần mềm làm phim là gì?

- A. **Chỉnh sửa và tạo video.**
- B. Tạo video.
- C. Chỉnh sửa video.
- D. Lưu trữ video.

Câu 12. Cần sử dụng hiệu ứng nào dưới đây để làm cho âm lượng nhạc nền của đoạn phim nhỏ dần khi kết thúc

- A. **Fade Out.**
- B. Fade In.
- C. Fade Cross.
- D. Fade Entire clip.

Câu 13. Thao tác nào sau đây thực hiện công việc cập nhật dữ liệu cho bảng của CSDL?

- A. **Một trong các thao tác: thêm bản ghi mới, chỉnh sửa, xóa bản ghi.**
- B. Sắp xếp dữ liệu trong bảng.
- C. Thay đổi cấu trúc của bảng.
- D. Thay đổi cách hiển thị dữ liệu trong bảng.

Câu 14. Khóa cấm trùng lặp có vai trò gì?

A. **Ngăn cản giá trị trùng lặp trong các trường chỉ định, hỗ trợ đảm bảo tính chính xác của dữ liệu nhập vào.**

- B. Hỗ trợ khóa ngoài.
- C. Hạn chế trùng lặp lượng lớn dữ liệu.
- D. Có vai trò tương tự khóa ngoài

Câu 15. Hãy chọn phát biểu SAI khi nói về cấu trúc bảng?

A. **Một trường có thể có nhiều kiểu dữ liệu.**

B. Bản ghi (record) là hàng của bảng, gồm dữ liệu của các thuộc tính của một chủ thể được quản lý.

- C. Kiểu dữ liệu (Data Type) là kiểu của dữ liệu lưu trong một trường.
- D. Trường (field) là cột của bảng, thể hiện thuộc tính của các chủ thể cần quản lý.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây ĐÚNG?

Mỗi trường (Field) là:

A. **Một cột của bảng thể hiện một thuộc tính của chủ thể cần quản lý.**

- B. Một hàng của bảng gồm dữ liệu về các thuộc tính của chủ thể cần quản lý.
- C. Một dãy giá trị được lưu trong một cột của bảng trong CSDL.
- D. Một kiểu dữ liệu quy định loại giá trị được lưu trong CSDL.

Câu 17. Việc tổ chức lại các bảng dữ liệu từ một bảng duy nhất ban đầu nhằm mục đích gì?

- A. Hạn chế lặp lại lượng lớn dữ liệu, tiết kiệm không gian lưu trữ dữ liệu.**
- B. Chống lặp lại dữ liệu và đảm bảo tính nhất quán dữ liệu.
- C. Tạo thuận lợi cho việc bảo mật và an toàn dữ liệu.
- D. Không thuận lợi cho việc cập nhật dữ liệu.

Câu 18. Dữ liệu nào sau đây **KHÔNG** là một CSDL của một tổ chức?

- A. Tập văn bản.**
- B. Bảng hồ sơ bệnh nhân.
- C. Bảng dữ liệu Khách Hàng.
- D. Bảng điểm học sinh.

Câu 19. Trong các câu sau, câu nào là phương án **SAI**?

- A. Truy vấn CSDL là một biểu mẫu.**
- B. Có thể dùng các truy vấn để tìm kiếm dữ liệu trong CSDL.
- C. SQL là ngôn ngữ truy vấn thường được dùng trong các hệ CSDL quan hệ.
- D. Trong câu truy vấn SQL, sau từ khóa FROM là tên của bảng dữ liệu nguồn cho các trích xuất dữ liệu.

Câu 20. Khóa ngoài của bảng có vai trò gì?

- A. Hạn chế việc lặp lại lượng lớn dữ liệu.**
- B. Không chỉ ra tham chiếu đến khóa chính của bảng khác
- C. Thể hiện mối liên hệ giữa hai bảng
- D. Hỗ trợ cho khóa chính

Câu 21. Câu truy vấn SQL lấy ra danh sách tất cả các học sinh gồm các thông tin MaHS, Hodem, Ten trong bảng HOCSINH

- A. SELECT MaHS, Hodem, Ten
FROM HOCSINH**
- B. SELET MaHS, Hodem, Ten
ON HOCSINH
- C. SELECT MaHS, Hodem, Ten
WHERE HOCSINH
- D. SELECT MaHS, Ten
FROM HOCSINH

Câu 22. Câu truy vấn SQL lấy ra danh sách tất cả các học sinh nữ gồm các thông tin MaHS, Hodem, Ten trong bảng HOCSINH

- A. SELECT MaHS, Hodem, Ten
FROM HOCSINH
WHERE GT = "Nữ";**
- B. SELECT MaHS, Hodem, Ten
ON HOCSINH
WHERE GT = "Nữ";
- C. SELECT MaHS, Hodem, Ten
WHERE HOCSINH
FROM GT = Nữ;
- D. SELECT MaHSHOCSINH, Ten
FROM HOCSINH
LIKE GT = "Nữ"

Câu 23. Các hệ QTCSDDL **KHÔNG** cung cấp các tính năng hỗ trợ sao lưu dữ liệu dự phòng nào?

- A. Thực thi truy vấn trước và sau khi sao lưu.**
- B. Tính năng sao lưu đa điểm.
- C. Tính năng sao lưu tự động.
- D. Tính năng mã hóa dữ liệu.

Câu 24. Ngôn ngữ phổ biến nhất trong các hệ quản trị CSDL là phương án nào sau đây?

- A. SQL**
- B. PASCAL
- C. PYTHON
- D. HTML

Câu 25. Chọn phương án **SAI** khi nói về nhà quản trị CSDL?

A. Nhà quản trị csdl chỉ cần cho các doanh nghiệp lớn.

B. Công việc của nhà quản trị CSDL là đảm bảo csdl luôn sẵn sàng trong trạng thái tốt nhất và được bảo mật.

C. Nhà quản trị csdl cần sử dụng thành thạo ngôn ngữ truy vấn csdl.

D. Nhà quản trị csdl nên có hiểu biết về các ứng dụng liên quan đến csdl.

Câu 26. Công việc nào sau đây do nhà quản trị csdl đảm nhận?

A. Đảm bảo an toàn dữ liệu và xác thực quyền truy cập

B. Quét virus và xóa file bị nhiễm virus

C. Copy file dữ liệu vào bộ nhớ di động để lưu trữ đề phòng sự cố

D. Cài đặt các phần mềm ứng dụng cho user

Câu 27. Khi truy cập internet, một số website yêu cầu người dùng có đăng kí tài khoản mới được download tài liệu, đăng bài viết... Đây là chức năng gì trong số các chức năng, nhiệm vụ (được liệt kê ở dưới) mà người quản trị csdl đảm nhận?

A. Phân quyền truy cập dữ liệu

B. Bảo mật thông tin dữ liệu

C. Tổ chức truy cập dữ liệu

D. Giám sát truy cập dữ liệu

Câu 28. Hệ thống website của sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất đã từng bị điều khiển hiển thị các thông tin sai sự thật. Nhà quản trị phải thực hiện thao tác nào sau đây để đảm bảo an toàn cho dữ liệu?

A. Rà soát, bổ sung, tăng cường các biện pháp bảo mật.

B. Chặn hết các truy cập từ thời điểm bị xâm nhập trở về sau

C. Gỡ bỏ rồi cài đặt lại hệ quản trị csdl

D. Không cần làm gì, hệ thống tự khôi phục theo cài đặt trước đó.

II. PHẦN THỰC HÀNH: (3 điểm)

Cho CSDL Thư viện của một trường học gồm các bảng sau:

Người_Mượn (Mathe, hoten, ngaysinh, lop);

Sách (Masach, tensach, sotrang, tacgia);

Mượn_Sách (Mathe, Masach, ngaymuon, ngaytra)

Câu 1. Chọn kiểu dữ liệu phù hợp cho các trường có trong các bảng.

Câu 2. Xác định khóa chính cho các bảng và tạo mối liên kết giữa các bảng.

Câu 3. Viết câu lệnh truy vấn đưa ra họ tên các học sinh đã mượn sách của tác giả “Tô Hoài” vào ngày 08/03/2023

- Hết

Thí sinh không được sử dụng tài liệu, CBCT không giải thích gì thêm.

4. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

SỞ GD & ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT DINH TIÊN HOÀNG

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2023 - 2024
Môn: TIN HỌC - Lớp 10

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A

Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A

* Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm.

II. PHẦN TỰ LUẬN/THỰC HÀNH (3,0 điểm)

Nội dung tự luận/thực hành	Điểm
Câu 1 (VD F.2)	
- Lựa chọn KDL phù hợp cho các trường	0,5
Câu 2 (VD F.3)	
- Chọn đúng khóa chính	0,5
- Tạo mối liên kết giữa các bảng	0,5
Câu 3 (VDC F.3)	
<i>SELECT DISTINCT</i> hoten <i>FROM</i> (Mun_sach <i>INNER JOIN</i> Nguoi_mun <i>ON</i> Mun_sach.Mathe= Nguoi_mun.Mathe) <i>INNER JOIN</i> Sach <i>ON</i> Mun_sach.Masach= Sach.Masach <i>WHERE</i> tacgia = 'Tô Hoài' <i>AND</i> ngaymun = '08/03/2023';	1,0 (HS làm cách khác nếu đúng vẫn đạt điểm tối đa)

Chuyên môn

Người duyệt

Sơn Tây, ngày 10 tháng 04 năm 2024
Người ra đề